

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 87/2017/HSST
Ngày 20 tháng 9 năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Thoại;
2. Ông Lục Văn Văn ;

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Thạch - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại Nhà Văn hóa phường B thành phố L, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 91/2017/HSST ngày 01/9/2017 đối với bị cáo:

Lương Văn T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/10/1998 tại huyện B, tỉnh L.

Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Tự do;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Làng Chàng, xã C, huyện B, tỉnh L.

Tiền án: 01 tiền án theo bản án số: 123 ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L xét xử T phạt 08 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, về địa phương ngày 19/4/2017, đến nay chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không

- Bố đẻ: Lương Văn N, sinh năm 1974; Nghề nghiệp: Tự do

Chỗ ở: xã P, huyện B, tỉnh L.

- Mẹ đẻ: Lùng Thị L, sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Tự do, Không rõ nơi ở

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố L. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Bùi Thị Thúy V ; Sinh năm : 1982, trú tại tổ 14, phường B, thành phố L, tỉnh L ; vắng mặt.

Nhận thấy:

Bị cáo Lương Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12h00 ngày 11/7/2017, Lương Văn T đi bộ một mình từ khu vực ngã sáu phường Kim Tân, thành phố L, mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 12h30 cùng ngày Tuấn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, BKS 24B1- 337.16 của chị Bùi Thị Thúy V dựng trên vỉa hè trước cửa số nhà 061, đường D4a, tổ 14 phường B, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện, Lương Văn T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Lương Văn T đi vào cửa hàng tạp hóa bên cạnh số nhà 061, mua hàng và quan sát thấy không có ai trông coi đã dùng tay phải rút chìa khóa xe ở ổ khóa ra cho vào túi quần bên phải đang mặc và đi bộ khoảng 10 mét về phía chợ Châu Ủy để quan sát, thấy không có ai, Tuấn quay lại vị trí chiếc xe dắt xe quay đầu xe về phía chợ Châu Ủy, lấy chìa khóa xe trong túi quần cắm vào ổ khóa điện, nổ máy điều khiển xe ra đường Trần Hưng Đạo hướng Cam Đường, đi về nhà Phạm Văn T (SN 1988, trú tại thôn Công Trường 5/2, xã Cam Đường), để nhờ anh T bán chiếc xe Lương Văn T vừa lấy trộm được; khi đến nhà, Phạm Văn T hỏi Lương Văn T “đi xe ai đấy”, Tuấn nói “đây là xe của gia đình em”. Lương Văn T hỏi Phạm Văn T “anh biết chỗ nào mua xe không”, Phạm Văn T hỏi “mày bán xe nào”, Tuấn nói “em bán chiếc xe Airblade này”, Phạm Văn T nói “để về Lu xem có chỗ nào mua không”, Lương Văn T lấy chiếc kéo để trên bàn ti vi và cầm mang ra ngoài khoét phần nhựa chỗ lắp biển kiểm soát rồi tháo biển cất vào trong cốp xe thấy trong cốp có 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe, 01 bảo hiểm xe đều mang tên Bùi Thị Thúy V, sau đó đóng cốp xe lại. Đến khoảng 13h cùng ngày, Lương Văn T và Phạm Văn T điều khiển xe đi đến thị trấn Phố Lu để tìm chỗ bán xe thì bị Công an thị trấn Phố Lu, huyện B, tỉnh L kiểm tra và thu giữ chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ liên quan. Ngày 11/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra lệnh bắt khẩn cấp Lương Văn T.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố L ngày 12/7/2017 kết luận 01 chiếc xe máy hiệu Honda Airblade, BKS 24B1-337.16 có giá trị là 22.110.000 (hai mươi hai triệu một trăm mười nghìn đồng). Tại bản cáo trạng số 90/KSĐT ngày 01/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lương Văn T mức án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về tang vật: Ngày 26/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố L quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Bùi Thị Thúy V 01 xe máy, nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 24B1-337.16 kèm theo chìa khóa xe và toàn bộ giấy tờ liên quan;

Về dân sự : Chị V đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

Xét thấy :

Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình:

Khoảng 12h00 ngày 11/7/2017, Lương Văn T đi bộ một mình từ khu vực ngã sáu phường Kim Tân, thành phố L, mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 12h30 bị cáo nhìn thấy trước cửa số nhà 061, đường D4a, tổ 14 phường B 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, BKS 24B1- 337.16, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện, Lương Văn T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Bị cáo đã lấy chiếc xe và đi về nhà Phạm Văn T rồi cùng T về Phố Lu để tiêu thụ. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an thị trấn Phố Lu, huyện B kiểm tra và bắt giữ cùng bộ tang vật là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, BKS 24B1- 337.16 của chị Bùi Thị Thúy V

Hành vi nêu trên đã được bị cáo Lương Văn T khai nhận tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lương Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lương Văn T về tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của nhà nước và công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo đã có một tiền án: Tại bản án số: 123 ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L xét xử T phạt bị cáo 08 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, ra tù trở về địa phương ngày 19/4/2017, đến nay chưa được xóa án tích nên bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.

Do vậy hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục bị cáo trở thành con người sống có ích cho xã hội đồng thời mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội chưa gây thiệt hại, tài sản có giá trị không lớn. Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng điểm g, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội trộm cắp tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật thể hiện sự khoan hồng của nhà nước.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự là không cần thiết cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Đối với người đàn ông tên T đã đi cùng bị cáo. Do T không biết việc trộm cắp nên quá trình điều tra không đủ cơ sở xem xét, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí: Cần áp dụng khoản 2 điều 99 bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án để tính án phí đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên

Quyết định:

T bố bị cáo Lương Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lương Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/7/2017.

Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự” .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh .
- VKSND tỉnh;
- VKS + CA + Trại giam
- T.H.A DS ;
- Bị cáo
- UBND Phường
- HSVA (02 bản);
- T.H.A hình sự.
- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Vân